

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/DS-ST

Ngày: 24-6-2022

V/v tranh chấp tiền hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Liêm;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp tiền hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST-DS ngày 03/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2022/QĐST-DS ngày 20/6/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 43/23 đường Nguyễn An Ninh, khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 64, đường Hùng Vương, khu phố D, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần hai không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2022, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Thanh B có mối quan hệ quen biết. Vào năm 2013, ông B có tham gia hụi của bà T và hốt hụi, tính đến ngày 16/8/2013, ông B còn nợ lại bà T số tiền 45.500.000 đồng. Bà T có yêu cầu ông

B xác nhận nợ thì ông B có tự mình ghi giấy xác nhận nợ số tiền 45.500.000 đồng.

Sau nhiều lần yêu cầu ông B trả tiền hụi nhưng ông B không trả. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông B trả số tiền 45.500.000 đồng.

Tại buổi hòa giải bà T thống nhất như lời trình bày của ông B về việc ông B đã trả cho bà T được 3.000.000 đồng và còn nợ số tiền 42.500.000 đồng. Bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 3.000.000 đồng.

Nay bà T chỉ yêu cầu ông B trả số tiền 42.500.000 đồng. Bà T không yêu cầu tính lãi.

Bà T có chứng cứ chứng minh là giấy nợ hụi ngày 16/8/2013 do chính ông B ký tên.

**** Theo biên bản lấy lời khai ngày 30/3/2022, trong quá trình tố tụng bị đơn trình bày:***

Ông B và bà Trần Thị Thanh T có quan hệ quen biết, ông B có chơi hụi của bà T. Năm 2013, sau khi hốt hụi của bà T thì ông B có nợ lại một số tiền hụi chết. Do thời gian đã lâu nên ông B không nhớ cụ thể.

Nay bà T cung cấp giấy xác nhận nợ hụi xác định ông B nợ bà T 45.500.000 đồng thì ông B có ý kiến như sau:

Ông B xác định ông B có trả góp cho bà T được số tiền 3.000.000 đồng nên chỉ nợ bà T số tiền 42.500.000 đồng. Ông B đồng ý trả số tiền trên cho bà T.

Đối với nội dung giấy nợ hụi ngày 16/8/2013, ông B tự viết và ký tên, thực tế vợ ông B không liên quan gì trong khoản nợ này nhưng do thói quen nên ông B có ghi là “Vợ chồng tôi...”. Việc này bà T cũng thừa nhận.

Ông B chỉ đồng ý trả dần cho bà T mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật tranh chấp tiền hụi.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét gồm:

Đơn khởi kiện đề ngày 19/01/2022, Căn cước công dân của nguyên đơn (bản sao); sổ hộ khẩu nguyên đơn (bản sao); bản tự khai của nguyên đơn; Giấy nợ hui ngày 16/8/2013; biên bản lấy lời khai ngày 30/3/2022 của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố D, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp tiền hui”.

[1.2] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà T có mặt, bị đơn ông B đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 45.500.000 đồng. Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm giấy nợ hui ghi ngày 16/8/2013 thể hiện nguyên đơn có giao cho bị đơn số tiền 45.500.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng và còn nợ lại bị đơn số tiền 42.500.000 đồng. Bị đơn thừa nhận nội dung này và đồng ý trả số tiền trên, nên đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Ông B đồng ý trả số tiền 42.500.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng. Bà T không đồng ý ông B trả dần mỗi tháng 500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, đây hui này hiện nay đã mãn và đây là số tiền nợ hui mà ông B chưa đóng nên ông B phải thanh toán đủ cho bà T. Do đó, yêu cầu của ông B là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu ông B thanh toán số tiền là 45.500.000 đồng. Nhưng tại các phiên họp, phiên hòa giải và tại phiên tòa thì bà T rút một phần yêu cầu với số tiền là 3.000.000 đồng. Bà T chỉ yêu cầu ông B thanh toán số tiền là 42.500.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện nên chấp nhận.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về phần thủ tục tố tụng cũng như về nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 70, 72, 92, 147, 161, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 116, 117, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 16, 17, 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Ch nh phủ về hộ, hui, biu, phường;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh B về việc “Tranh chấp tiền hui”.

Buộc ông Nguyễn Thanh B trả cho bà Trần Thị Thanh T số tiền 42.500.000 (bốn mươi hai triệu năm trăm ngàn) đồng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông B không thanh toán số tiền trên, thì ông B còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Thanh B về số tiền hui 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thanh B phải chịu 2.125.000 (hai triệu một trăm hai mươi lăm ngàn) đồng.

- Hoàn trả cho bà Trần Thị Thanh T số tiền 1.137.500 (một triệu một trăm ba bảy ngàn năm trăm) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0007224 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể tuyên án (ngày 24/6/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Quang Bảo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Mỹ Nguyễn Thị Thu Thu

Nguyễn Vũ Anh Tuấn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Lan